TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H P**

Bản án số: 77/2022/DS-ST;
Ngày: 25-7-2022;
V/v tranh chấp "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Tất Ái**;

2/ Bà **Cao Thị Loan**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Yến Oanh**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Ông **M Hùng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXX-ST ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: 1/ **Anh Lê H H** – sinh năm 1963;
2/ **Chị Huỳnh Thị M** – sinh năm 1977;
Cùng ngụ: ấp Vĩnh Châu, xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.
Đại diện uỷ quyền: **Chị Lê Thuỵ Cẩm T** – sinh năm 1997;
Địa chỉ: Số 79 ấp R, xã X, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.
(Theo giấy uỷ quyền ngày 12/01/2022).

Bị đơn:* **1/ Ông Huỳnh Văn B - sinh năm: 1931;
2/ Anh Huỳnh Tấn P – sinh năm 1994;
Cùng ngụ: Số 214 Ấp Bắc, Phường M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.
3/ Bà Đoàn Thị Bế – sinh năm 1964 ;
4/ Chị Huỳnh Thị Kim N – sinh năm 2002;
5/ Anh Huỳnh Tấn K – sinh năm 1982;
Cùng ngụ : ấp V, xã S, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
6/ Anh Huỳnh Tấn H- sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 69/16A Phạm TH, Phường M, thành phố Q, Tiền Giang.

(Có mặt chị T; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn chị Lê Thuỵ Cẩm T trình bày: Ông H và bà M là vợ chồng, nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay do người chết là ông Huỳnh Văn Q để lại trong phạm vi di sản của ông Q để lại cho các bị đơn. Từ năm 2020 đến năm 2021, nguyên đơn có cho ông Huỳnh Văn Q sinh năm 1962, địa chỉ cư trú cuối cùng số 214, đường Ấp Bắc, Phường M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang vay tiền nhiều lần, thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, chỉ thỏa thuận miệng khi nào cần nguyên đơn sẽ thông báo trước một tháng, tất cả các lần vay ông Q đều có làm biên nhận cho nguyên đơn và trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn từ khi vay đến tháng 6/2021 thì ngưng không đóng lãi nữa. Các khoản vay cụ thể như sau:

- Ngày 26/11/2020 vay số tiền 350.000.000 đồng.

- Ngày 29/12/2920 vay số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 06/5/2021 vay số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 06/6/2021 vay số tiền 35.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn là 515.000.000 đồng. Đến tháng 07/2021, ông Q qua đời nên không thể thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn. Được biết ông Q chết có để lại nhiều tài sản là di sản thừa kế gồm nhiều thửa đất như sau:

- Thửa đất số 698 diện tích 116.5m^2; thửa 699 diện tích 110.9m^2; thửa 700 diện tích 101m^2 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (nay là thị trấn Mỹ Phước) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

- Thửa đất số 1502 diện tích 221m^2; thửa đất số 1789 diện tích 356.4m^2; thửa đất số 2345 diện tích 359m^2; thửa đất số 2215 diện tích 191.1m^2 và thửa đất số 2220 diện tích 45m^2 cùng tờ bản đồ số 2 tọa lạc xã Phước Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Ngoài ra ông Q còn để lại 02 chiếc xà lang mang biển kiểm soát TG- 19797 và TG17997 do ông Q đứng tên. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm:

1/Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1931 (cha ông Q);

2/ Bà Đoàn Thị Hai, sinh năm 1933 (mẹ ông Q);

3/ Bà đoàn thị bế, sinh năm 1964(vợ ông Q);

4/ Anh Huỳnh Tấn P, sinh năm 1994 (con ông Q);

5/ Chị huỳnh thị kim N, sinh năm 2002(con ông Q);

6/ Anh Huỳnh Tấn H, sinh năm 1984(con ông Q);

7/Anh Huỳnh Tấn K, sinh năm 1982(con ông Q).

Sau khi ông Q chết, nguyên đơn có yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi các tài sản do ông Q chết để lại nhưng những người này không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Trong quá trình khởi kiện tại Toà án, ngày 19/4/2022, mẹ ông Q là bà Đoàn Thị Hai đã chết.

Nay nguyên đơn yêu cầu yêu cầu các ông bà gồm: Huỳnh Văn B, Đoàn Thị Hai, Đoàn Thị Bế, Huỳnh Tấn P, Huỳnh Tấn H, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Tấn K là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 515.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 24/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện là 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng = 25.647.000 đồng. Tổng cộng vốn và là 540.647.000 đồng. Việc thanh toán toàn bộ số tiền trên được thực hiện trong phạm vi giá trị di sản thừa kế do ông Huỳnh Văn Q chết để lại, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 20/5/2022, chị Lê Thị Cẩm T yêu cầu Huỳnh Văn B, Đoàn Thị Bế, Huỳnh Tấn P, Huỳnh Tấn H, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Tấn K là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 515.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 24/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện là 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng = 25.647.000 đồng. Tổng cộng vốn và là 540.647.000 đồng. Việc thanh toán toàn bộ số tiền trên được thực hiện trong phạm vi giá trị di sản thừa kế do ông Huỳnh Văn Q chết để lại, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn gồm ông Huỳnh Văn B, anh Huỳnh Tấn P, bà Đoàn Thị Bế, chị Huỳnh Thị Kim N, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, chị T yêu cầu bị đơn trả cho ông H và bà M số tiền vốn là 515.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 14/01/2022 (ngày nộp đơn khởi kiện) đến khi Toà án xét xử (tính tròn 06 tháng) là 515.000.000đ x 0,83%/tháng x 06 tháng = 25.647.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 540.647.000 đồng, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông H và bà M yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q gồm ông Huỳnh Văn B, anh Huỳnh Tấn P, bà Đoàn Thị Bế, chị Huỳnh Thị Kim N, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H có nghĩa vụ trả cho ông H, bà M số tiền vay là 540.647.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Các bị đơn đang cư trú tại Phường M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang và tại xã Hưng TH, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Các đồng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đồng bị đơn.

[4] Tại phiên tòa, chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi: Chị T yêu cầu bị đơn trả cho ông H và bà M số tiền vốn là 515.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 14/01/2022 (ngày nộp đơn khởi kiện) đến khi Toà án xét xử (tính tròn 06 tháng) là 515.000.000đ x 0,83%/tháng x 06 tháng = 25.647.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 540.647.000 đồng. Xét thấy, việc chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà án xét thấy:

[5.1] Đối với hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ vào các biên nhận đề ngày 26/11/2020, ngày 29/12/2020, ngày 06/5/2021 và ngày 06/6/2021 do nguyên đơn cung cấp có chữ viết, chữ ký Huỳnh Văn Q; đồng thời căn cứ vào Đơn xác nhận đề ngày 18/7/2022 của Công an xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre có đủ cơ sở xác định giữa ông H, bà M và ông Huỳnh Văn Q đã xác lập 04 hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền vốn là 515.000.000 đồng. Theo 04 hợp đồng do nguyên đơn cung cấp thì giữa nguyên đơn và ông Huỳnh Văn Q khi vay tiền không có thoả thuận về lãi suất, về thời hạn trả tiền vốn; tuy nhiên theo nguyên đơn trình bày thì khi nào cần trả lại tiền vốn, nguyên đơn sẽ thông báo cho ông Huỳnh Văn Q trước một tháng.

Căn cứ vào Trích lục khai tử số 558/2021/TLKT-BS ngày 06/10/2021 (bút lục 89) có đủ cơ sở xác định ông Huỳnh Văn Q đã chết vào ngày 24/7/2021. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 422 Bộ luật dân sự, Toà án xác định các hợp đồng

vay tài sản giữa nguyên đơn và ông Huỳnh Văn Q chấm dứt từ ngày 24/7/2021 do ông Q là người vay tiền đã chết.

Theo chị T trình bày, sau khi ông Q chết nguyên đơn đã yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế của ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Q trong phạm vi giá trị di sản do ông Q chết để lại nhưng các bị đơn không thực hiện. Do đó yêu cầu tính lãi của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự và điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao nên Toà án chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi là: 515.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 06 tháng = 25.647.000 đồng.

[5.2] Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q: Căn cứ vào Trích lục khai tử số 558/2021/TLKT-BS ngày 06/10/2021, số 246/2022/TLKT-BS ngày 20/4/2022 của Uỷ Bn nhân dân Phường M, thành phố Q và Giấy cam kết về hàng thừa kế của ông Huỳnh Văn Q đề ngày 17/11/2021 có xác nhận của Uỷ Bn nhân dân xã Hưng TH, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang có đủ cơ sở xác định: Ông Huỳnh Văn Q chết ngày 24/7/202; hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm gồm có ông Huỳnh Văn B, bà Đoàn Thị Bế, anh Huỳnh Tấn H, anh Huỳnh Tấn P, chị Huỳnh Thị Kim N và anh Huỳnh Tấn K.

[5.3] Về di sản của ông Huỳnh Văn Q: Các di sản do ông Huỳnh Văn Q chết để lại gồm có:

[5.3.1] Về động sản:

- 01 Sà lang: Biển số TG 19797, số đăng ký: TG 19797, chủ phương tiện: Huỳnh Văn Q; địa chỉ chủ phương tiện: 02 NKKN Phường 1, Q, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 18063/ĐK do Sở giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/12/2016.

- 01 Sà lang: Biển số TG 17997, số đăng ký: TG 17997, chủ phương tiện: Huỳnh Văn Q, địa chỉ chủ phương tiện: 214 Ấp Bắc, Phường M, Q, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 16443/ĐK do Sở giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/12/2016.

Ngày 30/12/2021, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Quyền gồm có ông B, bà Hai, bà Bế, anh H, anh P, chị N và anh K đã lập Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn Q để lại đối với di sản là 02 Sà Lang trên. Theo Văn bản thoả thuận phân chia di sản thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Quyền đã đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế của các ông bà được hưởng cho anh Huỳnh Tấn H; đồng thời, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Quyền cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người để lại di sản (nếu có). Văn bản thoả thuận phân chia di sản trên được Văn phòng công chứng Cai Lậy công chứng số 04704, quyển số 05/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2021.

[5.3.2] Về bất động sản:

Ngày 06/7/2021, N hàng TMCP Công Thương Việt Nam (gọi tắt là N hàng) và bà Đoàn Thị Bế, ông Huỳnh Văn Q đã ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 095LL/2021/HĐBĐ/NHCT760. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản thì ông Q, bà Bế đã thế chấp cho N hàng thửa đất số 352, tờ bản đồ số HPC3, diện tích 885m^2 và căn nhà cấp 4 với diện tích xây dựng là 244m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00987 do Uỷ Bn nhân dân huyện Tân phước, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/6/2014 cho bà Đoàn Thị Bế đứng tên. Phần đất và căn nhà toạ lạc ấp Hưng Phú, xã Hưng TH, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang. Hợp đồng thế chấp được phòng công chứng số 1 công chứng số 4842, quyển số 11/2021TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 08/7/2021, N hàng và hộ bà Đoàn Thị Bế gồm bà Đoàn Thị Bế, ông Huỳnh Văn Q, anh Huỳnh Tấn K, anh Huỳnh Tấn H, anh Huỳnh Tấn P đã ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 095A-LL/2021/HĐBĐ/NHCT760. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản thì hộ bà Đoàn Thị Bế đã thế chấp cho N hàng thửa đất số 223, tờ bản đồ số 3, diện tích 4844m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00235QSDĐ/502QĐ.UB do Uỷ Bn nhân dân huyện Tân phước, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/12/1997 cho hộ bà Đoàn Thị Bế đứng tên. Phần đất toạ lạc ấp Hưng Phú, xã Hưng TH, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang. Hợp đồng thế chấp được Phòng công chứng số 1 công chứng số 4867, quyển số 11/2021TP/CC-SCC/HĐGD.

Như vậy có đủ cơ sở xác định ông Huỳnh Văn Q có một phần quyền sở H đối với căn nhà gắn liền với thửa đất 352, tờ bản đồ số HPC3; đồng thời có một phần quyền sử dụng đối với thửa đất 352 và thửa đất 223, tờ bản đồ số 3. Nhà và đất toạ lạc ấp Hưng Phú, xã hưng TH, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[5.4] Căn cứ vào mục [5.1], [5.2] và [5.3] xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Toà án chấp nhận. Do đó cần buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q gồm ông Huỳnh Văn B, anh Huỳnh Tấn P, bà Đoàn Thị Bế, chị huỳnh Thị Kim N, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H có nghĩa vụ trả cho ông Lê H H, bà Huỳnh Thị M số tiền vốn là 515.000.000 đồng và tiền lãi là 25.647.000 đồng, tổng cộng là 540.647.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, những người thừa kế của ông Q chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi giá trị di sản do ông Huỳnh Văn Q chết để lại theo quy định Điều 615 Bộ luật dân sự.

[6] Bị đơn vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Về án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 615, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H H và bà Huỳnh Thị M.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q gồm ông Huỳnh Văn B, anh Huỳnh Tấn P, bà Đoàn Thị Bế, chị Huỳnh Thị Kim N, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H có nghĩa vụ trả cho ông Lê H H, bà Huỳnh Thị M số tiền vốn là 515.000.000 đồng và tiền lãi là 25.647.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 540.647.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q gồm ông Huỳnh Văn B, anh Huỳnh Tấn P, bà Đoàn Thị Bế, chị Huỳnh Thị Kim N, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi giá trị di sản do ông Huỳnh Văn Q chết để lại.

2. Về án phí:

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q gồm ông Huỳnh Văn B, anh Huỳnh Tấn P, bà Đoàn Thị Bế, chị Huỳnh Thị Kim N, anh Huỳnh Tấn K và anh Huỳnh Tấn H phải chịu 25.626.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Lê H H, bà Huỳnh Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004682 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).